

Bản án số: 205/2019/DS-PT

Ngày: 19-11-2019

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Trần Bá Kha

2- Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2019/QĐ-PT ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Đ, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1976

2. Bà Giăng Thị N, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Đ, xã V1, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn C, bà Giăng Thị N

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:** Bà có cho vợ chồng ông C, bà N vay tiền rất nhiều lần, cụ thể từ ngày 20/02/2014 đến ngày 30/10/2014 ông C vay 180.000.000đồng; từ ngày 20/3/2014 đến ngày 15/9/2014 bà N vay 100.000.000đồng lãi suất thỏa thuận 60.000đồng/tháng/1.000.000đồng (6%/tháng), khi vay không làm biên nhận. Từ khi vay đến nay ông C, bà N không có đóng lãi lần nào. Tháng 10/2016, vợ chồng ông C làm biên nhận có nợ 280.000.000đồng (Biên nhận không ghi ngày tháng năm). Ngày 13/02/2017 vợ chồng ông C trả 50.000.000đồng, từ đó đến nay ông C hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông C, bà N trả số tiền vay là 230.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:** Ông có vay tiền của bà L rất nhiều lần, cụ thể: Tháng 02/2012 vay 50.000.000đồng, tháng 3/2013 vay 50.000.000đồng, tháng 5/2014 vay 50.000.000đồng. Từ tháng 6 đến tháng 9/2014, vợ ông là bà N vay 4 lần bằng 100.000.000đồng. Tổng cộng số tiền vay là 250.000.000đồng, khi vay không làm biên nhận. Lãi suất là 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày (12%/tháng), ông đóng lãi đầy đủ đến tháng 7/2015 do không có khả năng trả nên ông bỏ địa phương đi sau đó đến tháng 01/2017 ông về và có viết giấy nhận nợ thống nhất còn nợ bà L số tiền là 280.000.000đồng. Tháng 02/2017, ông trả được 50.000.000đồng, còn nợ lại 230.000.000đồng đến nay chưa trả. Nay vợ chồng ông thừa nhận còn nợ bà L 230.000.000đồng.

Ông C cho rằng đã đóng lãi từ tháng 02/2012 đến tháng 7/2015 tổng cộng là 607.400.000đồng (trong đó bà N đã đóng lãi được 498.000.000đồng đối với số tiền vay là 150.000.000đồng, ông C đóng lãi được 109.400.000 đồng đối với số tiền vay là 100.000.000đồng). Nay ông phản tố yêu cầu khấu trừ tiền vốn là 230.000.000đồng và tiền lãi ông tự tính từ tháng 02/2012 đến tháng 4/2019, lãi suất 9%/năm bằng 140.900.000đồng, tổng vốn và lãi là 370.900.000 đồng, còn lại yêu cầu bà L trả 236.500.000đồng.

Việc ông đóng lãi có ông Lâm Hoàng T, ông Nguyễn Hữu T1, ngoài ra, không có chứng cứ nào khác.

*** Bà Giăng Thị N trình bày:** Thống nhất lời trình bày của ông C, không bổ sung gì thêm.

*** Tại bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mỹ L về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với ông Lê Văn C, bà Giăng Thị N.

- Bác yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C, bà Giăng Thị N về việc yêu cầu bà Ngô Thị Mỹ L trả số tiền là 236.500.000đồng.

Buộc vợ chồng ông C, bà N có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Mỹ L số tiền vay là 230.000.000đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 13/9/2019 ông C, bà N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu khấu trừ tiền vay là 230.000.000đồng của bà L vào tiền đóng lãi mà vợ chồng ông bà đã đóng cho bà L nhiều năm nay là 632.600.000đồng, không yêu cầu nhận lại số tiền còn dư.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C, bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà L khởi kiện cho rằng bà có cho vợ chồng ông C, bà N vay tiền rất nhiều lần, đến tháng 10/2016 vợ chồng ông C làm biên nhận có nợ 280.000.000đồng (biên nhận không ghi ngày tháng năm). Ngày 13/02/2017 vợ chồng ông C trả được số tiền 50.000.000đồng, từ đó đến nay ông C hứa hẹn

nhều lần nhưng không trả nên bà yêu cầu vợ chồng ông C, bà N trả số tiền vay là 230.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Còn vợ chồng ông C, bà N thừa nhận nợ bà L số tiền 230.000.000đồng. Tuy nhiên ông C cho rằng đã đóng lãi từ tháng 02/2012 đến tháng 7/2015 tổng cộng là 607.400.000đồng nên ông phản tố yêu cầu khấu trừ tiền vốn là 230.000.000đồng và tiền lãi từ tháng 02/2012 đến tháng 4/2019, lãi suất 9%/năm bằng 140.900.000đồng, tổng vốn và lãi là 370.900.000đồng, còn lại yêu cầu bà L trả 236.500.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung phản tố của ông C.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông C, bà N yêu cầu khấu trừ tiền vay là 230.000.000đồng của bà L vào tiền đóng lãi mà vợ chồng ông bà đã đóng cho bà L nhiều năm nay là 632.600.000đồng, không yêu cầu nhận lại số tiền còn dư. Hội đồng xét xử xét thấy, ông C thừa nhận giấy nợ do ông C viết và ký tên, nội dung “giấy nhận nợ” thể hiện “Tôi đứng tên Lê Văn C có nhận số nợ của Ngô Thị L là 280 triệu, trong vòng tháng giêng năm 2017 trả 50 triệu, còn lại trong vòng 2 năm trả đủ. Nếu không trả đủ tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm kể từ tháng giêng năm 2017” (bút lục 04). Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 24/4/2019 của ấp Đ, ông Lê Văn C thừa nhận số tiền còn thiếu là 230.000.000đồng, hiện tại gia đình kinh tế khó khăn, số tiền thiếu thì quá lớn không có khả năng trả, nếu được mỗi tháng xin trả 1.000.000đồng (bút lục 03). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông C trả cho bà L số tiền 230.000.000đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Ông C, bà N khai nại rằng đã đóng cho bà L nhiều năm nay số tiền lãi là 632.600.000đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai nại của mình. Ông C cho rằng ông Lâm Hoàng T, ông Nguyễn Hữu T1 biết sự việc, tuy nhiên lời khai của ông C và người làm chứng là ông T, ông T1 mâu thuẫn với nhau, khác nhau về thời gian, cụ thể: ông C cho rằng đã đóng lãi từ tháng 02/2012 đến tháng 7/2015 tổng cộng là 607.400.000đồng (bút lục 39); ông T1 khai khoảng năm 2016 có cho ông C mượn 30.000.000đồng ông C nói trả lãi cho bà L, khoảng 2,3 tháng sau ông C mượn thêm 20.000.000đồng nói là trả lãi cho bà L (bút lục 50); ông T khi thì khai cuối năm 2014 ông C đưa ông 120.000.000đồng đến đưa cho bà L, tại

phiên tòa sơ thẩm thì khai đưa tiền vào tháng 2/2012, ông C không có ở nhà nên điện thoại mượn và ông đưa cho bà L (bút lục 51, 69-71). Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2019 và ngày 05/6/2019 ông C, bà N xác định đóng tiền lãi bao nhiêu, thời gian nào ông bà không nhớ, không có chứng cứ chứng minh (bút lục 22,23). Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C, bà N.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C, bà N, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông C, bà N phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C, bà N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mỹ L về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với ông Lê Văn C, bà Giăng Thị N.

2- Bác yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C, bà Giăng Thị N về việc yêu cầu bà Ngô Thị Mỹ L trả số tiền là 236.500.000đồng.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn C, bà Giăng Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Mỹ L số tiền vay là 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông C, bà N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là 11.500.000đồng. Ông C, bà N phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 11.825.000đồng. Ông C, bà N phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 5.912.500 đồng theo lai thu số 0000234 ngày 08/7/2019 và tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000đồng theo lai thu 0006202, 0006203 ngày 18/0/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông C, bà N còn phải nộp thêm số tiền 17.412.500đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.750.000đồng cho bà L theo biên lai thu tạm ứng số 0000107 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên